

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 18-3-2021
V/v tranh chấp “Ly hôn và
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Quảng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu
2. Ông Nguyễn Thế Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng tham gia phiên tòa:
Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 321/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn và nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 73/2020/QĐST-HN ngày 22 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01A/2021/QĐST-HN ngày 07 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Đặng Hoài H, sinh năm 1977; địa chỉ: ấp TP, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp TP, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương. Tạm trú: Số 378, tổ 9, ấp TĐ, xã MT, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Anh H có mặt; chị H1 vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn anh Đặng Hoài H trình bày: Anh và chị H1 chung sống với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã DT, huyện T, tỉnh Thanh Hóa, có tổ chức lễ cưới, ngày cưới cho một số nữ trang nhưng hiện tại không còn do vợ chồng bán chi phí trong gia đình. Trong thời gian chung sống có 02 con chung tên Đặng Thị Mỹ D, sinh ngày 20/10/2000 và Đặng Hoài Q, sinh ngày 20/10/2003, hiện tại cháu D đã trưởng thành và có gia đình còn cháu Q đang

sống với anh, không có tài sản chung cũng không nợ ai. Anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị sống không ai quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi vã nhau nên chị H1 bỏ về nhà cha mẹ ruột tại ấp TĐ, xã MT, huyện D sống cho đến nay. Trong thời gian ly thân anh có điện thoại năng nỉ chị H1 quay về chung sống để nuôi dạy con chung, nhưng chị H1 không quay về, anh thấy chị H1 không có thiện chí hàn gắn gia đình. Do đó anh yêu cầu được ly hôn với chị H1.

Về con chung: Anh yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Q, không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu D đã trưởng thành và có gia đình anh không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H1*: Chị H1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng chị vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không có văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh H.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H; giao cháu Q cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con đối với cháu D đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung và nợ chung, anh H không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị Thu H1 đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là phù hợp với khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Đặng Hoài H và chị Nguyễn Thị Thu H1 chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Anh H yêu cầu ly hôn, do chị H1 không lo lắng cho gia đình và vợ chồng không quan tâm đến nhau, thường xuyên cãi vã, anh chị sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Xét thấy, chị H1 đã được Tòa án tổng đạt Hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt và không cung cấp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình, chứng tỏ chị H1 không thể hiện thiện chí đoàn tụ và trong thời gian ly thân chị không tìm cách hàn gắn gia đình, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm chăm sóc đến ai. Từ những nhận định trên, có đủ căn cứ cho

rằng mâu thuẫn giữa anh H và chị H1 lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh H yêu cầu được tiếp tục, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đặng Hoài Q, sinh ngày 20/10/2003, riêng chị H1 không ý kiến. Xét thấy, từ ngày anh chị sống ly thân cháu Q sống chung với anh H đã ổn định và được anh trông nom, chăm sóc phát triển tốt. Do đó Hội đồng xét xử cần giao cháu Q cho anh H nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu D đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử cũng không xem xét giải quyết

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp sau này chị H1 có tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Đặng Hoài H đối với chị Nguyễn Thị Thu H1. Anh H được ly hôn với chị H1.

2. Về con chung: Giao cho anh H được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con tên Đặng Hoài Q, sinh ngày 20/10/2003. Ghi nhận anh H không yêu cầu chị H1 cấp dưỡng nuôi con.

Chị H1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu

số AA/2016/0033133 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng. Anh H đã nộp đủ tiền án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm anh H có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương. Riêng chị H1 vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường H bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- Chi cục THADS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Dân Lý, huyện Triệu Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Quăng